



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Số 21

Ngày 15 tháng 3 năm 2011

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|--------------|--|----|
| 16-02-2011 - | Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND về thay thế bảng III và bảng IV bảng giá tính mức giá xử phạt vi phạm hành chính và làm cơ sở tính giá khởi điểm bán đấu giá động vật hoang dã và lâm sản khác trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điều 1 của Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. | 03 |
| 16-02-2011 - | Chỉ thị số 05/2011/CT-UBND về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố; đại biểu Hội đồng nhân dân xã - thị trấn nhiệm kỳ 2011 - 2016. | 14 |
| 18-02-2011 - | Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND về việc sửa đổi Điều 9 Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố. | 18 |
| 28-02-2011 - | Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 21 |

- 28-02-2011 - Chỉ thị số 06/2011/CT-UBND về tăng cường thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố. 25

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

- 21-02-2011 - Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 9. 32
- 21-02-2011 - Chỉ thị số 02/2011/CT-UBND về triển khai các giải pháp chủ yếu để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh quận 9 năm 2011. 43
- 25-02-2011 - Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 9. 47

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

- 02-3-2011 - Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND về ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn quận Tân Bình. 56

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- 18-02-2011 - Chỉ thị số 01/2011/CT-UBND về tăng cường các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng và cây phân tán năm 2011. 65

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về thay thế bảng III và bảng IV bảng giá tính mức giá xử phạt vi phạm hành chính và làm cơ sở tính giá khởi điểm bán đấu giá động vật hoang dã và lâm sản khác trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điều 1 của Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 99/2009/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Căn cứ Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành bảng giá tính mức xử phạt vi phạm hành chính và làm cơ sở tính giá khởi điểm bán đấu giá gỗ tròn, gỗ xẻ, động vật hoang dã và thủy hải sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 121/SNN-TTS-KL ngày 25 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này bảng giá tính mức xử phạt vi phạm hành chính và làm cơ sở tính giá khởi điểm bán đấu giá các loại lâm sản khác trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và bảng giá tính mức xử phạt vi phạm hành chính và làm cơ sở tính giá khởi điểm bán đấu giá các loại động vật hoang dã trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, thay thế bảng III và bảng IV bảng giá đã được ban hành kèm theo Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giá các loại gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ đẽo hộp và thủy hải sản được quy định tại bảng I, bảng II và bảng V ban hành kèm theo Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố vẫn có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Công an thành phố, Cục trưởng Cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Chi cục trưởng Quản lý thị trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

BẢNG III:
BẢNG GIÁ TÍNH MỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
VÀ LÀM CƠ SỞ TÍNH GIÁ KHỞI ĐIỂM BÁN ĐẤU GIÁ
CÁC LOẠI LÂM SẢN KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

-
- 1. Trà Hương:** Loại 1 đến 3: 5.000.000 đồng/kg
Loại 4 đến 5: 3.000.000 đồng/kg
Loại 6 đến 8: 2.000.000 đồng/kg
- 2. Tinh dầu:** Trâm: 60.000.000 đồng/lít
Xá Xi: 20.000.000 đồng/lít
- 3. Lâm sản phụ:** Chai cục: 3.000 đồng/kg
Dầu chai: 5.000 đồng/kg
Nhựa Thông: 10.000 đồng/kg
Dầu Rái: 5.000 đồng/kg.
Than hầm: 3.000 đồng/kg.
Bột nhang: 1.000 đồng/kg.
Gốc cây kiềng đường kính < 25 cm: 1.000.000 đồng/gốc.
- 4. Tre** : 5.000 đồng/cây
- 5. Lò ô, song mây** : 10.000 đồng/cây
- 6. Đước (D > 6 cm)** : 340.000 đồng/ster
- 7. Cây rừng ngập mặn:** 140.000 đồng/ster (bỏ sung);
- 8. Thiên tuế** : 500.000 đồng/cây.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

BẢNG IV:
BẢNG GIÁ TÍNH MỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
VÀ LÀM CƠ SỞ TÍNH GIÁ KHỞI ĐIỂM BÁN ĐẤU GIÁ CÁC LOẠI
ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

(Đơn vị tính 1.000 đồng)

Số TT	Tên loài	Giá bán		Ghi chú
		Con	Ký	
I	BỘ CÁNH Dự án			
1	Chồn bay	500		
II	BỘ KHỈ HẦU			
2	Cu ly các loại	100		
3	Khỉ đuôi dài	500		
4	Khỉ Sư Tử	300		
5	Khỉ đuôi Lợn	300		10-15 kg
6	Khỉ Vàng	200		
7	Khỉ mặt đỏ	400		
8	Khỉ Mốc	400		
9	Voọc các loại	3.500		Sửa đổi
10	Vượn các loại	3.000		Sửa đổi
11	Tinh tinh	5.000		
III	BỘ THÚ ĂN THỊT			
12	Báo gấm	10.000		
13	Báo Hoa Mai	7.000		

14	Beo lửa	5.000		
15	Cáo lửa	300		
16	Cây giông		250	Sửa đổi
17	Cây mũi đỏ		250	Sửa đổi
18	Cây vắn		250	Sửa đổi
19	Chồn Gấu		450	Sửa đổi
20	Chó rừng	500		
21	Chồn vàng		250	Sửa đổi
22	Chồn mướp		250	Bổ sung
23	Cây vòi mốc		250	Sửa đổi
24	Cây vòi hương		250	Bổ sung
25	Chồn hương		350	Sửa đổi
26	Hổ		2.000	
27	Gấu Ngựa	20.000		
28	Gấu Chó	10.000		
29	Mèo rừng các loại	2.000		
30	Triết các loại		150	
31	Sói đỏ	300		
32	Rái cá các loại	500		
IV	BỘ MÓNG GUỐC			
33	Bò rừng	10.000		
34	Bò Xám	15.000		
35	Bò Tót	30.000		
36	Cheo Cheo		120	

37	Hươu vàng	10.000		
38	Hươu xạ	5.000		
39	Heo rừng		100	
40	Mang các loại		100	
41	Mễn		100	
42	Nai		80	
43	Nai cà tong		100	
44	Sao La	5.000		
45	Sơn Dương	5.000		
46	Trâu rừng	10.000		
V	BỘ CÁ SÁU			
47	Cá sấu các loại		60	
VI	BỘ THỎ RỪNG			
48	Thỏ Vằn	300		Sửa đổi
VII	BỘ HẠC			
49	Cò các loại	20		Sửa đổi
50	Diệc các loại	30		Sửa đổi
51	Hạc cổ trắng	300		
52	Già đẫy các loại	200		
53	Quắm cánh xanh	50		
54	Quắm lớn	200		
VIII	BỘ GÀ			
55	Công	1.200		
56	Gà tiền mặt đỏ	200		

57	Gà tiền mặt vàng	150		
58	Gà lôi các loại	200		
59	Ô Tác	60		
60	Trĩ các loại	250		
61	Trích (gà nước)	50		
IX	BỘ SẢ			
62	Bìm bịp	100		
63	Cao cát	150		
64	Chim Cắt	30		
65	Điều đầu trắng	120		
66	Điều hâu	150		
67	Điều hoa	150		Bổ sung
68	Đại bàng	900		
69	Hồng Hoàng	800		
70	Le Le	40		
71	Ó Biển	150		
72	Niệc các loại	400		
73	Vịt trời	50		
74	Quạ	50		
X	BỘ CỎ VẢY			
75	Cắc Ké	10		
76	Kỳ đà các loại		170	
77	Giông		70	
78	Rắn Hồ Chúa		600	Sửa đổi

79	Rắn Ráo trâu (Hổ Trâu, Hổ Hèo)		300	Sửa đổi
80	Rắn Hổ Ngựa (Sọc Dưa)		300	Sửa đổi
81	Rắn lục		100	Sửa đổi
82	Rắn Hổ Hành		200	Sửa đổi
83	Rắn Hổ Mây		200	Sửa đổi
84	Rắn Lãi (ráo thường)		180	Sửa đổi
85	Rắn trun		150	Sửa đổi
86	Rắn Hổ Mèo		200	Sửa đổi
87	Rắn Choàm quạp		100	
88	Rắn nước, ri voi, ri cá		50	
89	Rắn cạp nia		200	Sửa đổi
90	Rắn cạp nong (Mai gầm)		200	Sửa đổi
91	Rắn Hổ Mang (Rắn hổ đất)		350	Bổ sung
92	Tắc Kè	20		
93	Trăn các loại		80	
94	Thằn lằn núi	5		
95	Tê tê các loại		1.200	
96	Kỳ Tôm (rồng đất)		100	
XI	BỘ CÓ ĐUÔI			
97	Cá cóc Tam Đảo	100		
XII	BỘ RỪA			
98	Cua đing		300	
99	Rùa Bagờ		160	Sửa đổi
100	Rùa Cỏ bự		120	Sửa đổi

101	Rùa Răng (càng Đước)		200	Sửa đổi
102	Rùa đầu to		200	Sửa đổi
103	Rùa đất các loại		200	Sửa đổi
104	Rùa hộp các loại		200	Sửa đổi
105	Rùa núi viền		200	Sửa đổi
106	Rùa núi vàng		300	Sửa đổi
107	Rùa trung bộ		300	Sửa đổi
108	Rùa Xanh (Rùa tai đỏ)	50		Bổ sung
XIII	BỘ SẾ			
109	Chích chòe các loại	50		
110	Chèo bẻo	30		
111	Họa Mi	50		
112	Chìa vôi	100		
113	Khướu các loại	50		
114	Sáo các loại	15		
115	Chim sẻ	5		
116	Chim lá mía	5		
117	Chim cu đất	10		
118	Yểng (Nhông)	50		
119	Vành khuyên	50		
120	Chào mào	50		
XIV	BỘ VỆT			
121	Vẹt các loại	30		
XV	BỘ BÒ NÔNG			
122	Bò nông các loại	150		

XVI	BỘ CÚ			
123	Cú lợn các loại	120		
124	Cú Mèo	150		
125	Dù di	80		
XVII	BỘ ĐOI			
126	Đoi ngựa	50		
127	Đoi quạ	50		
XVIII	BỘ YẾN			
128	Yến Hàng	50		
129	Yến Phụng	15		
XIX	BỘ GẶM NHĂM			
130	Don		100	
131	Dúi		70	
132	Nhím		140	
133	Sóc bay các loại	120		
134	Hải ly	1.000		
135	Sóc	100		Bổ sung
XX	BỘ CÁNH VÂY			
136	Bướm các loại	5		
137	Đuông chà là	20		Bổ sung
XXI	BỘ CÁNH CỨNG			
138	Bỏ củi	0,4		
XXII	BỘ HÌNH NHỆN			
139	Bò Cạp	5		
140	Nhện	1		

XXIII	BỘ SẾU			Bổ sung
141	Sếu đầu đỏ	1.000		Bổ sung
142	Sếu xám	50		Bổ sung
143	Chim rẽ mỏ thìa	1.000		Bổ sung
XXIV	LOÀI KHÁC			
144	Sâu Keo		300	Bổ sung
145	Địa Sâm		20	Bổ sung

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2011/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2011

CHỈ THỊ

**Về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII
và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố;
đại biểu Hội đồng nhân dân xã - thị trấn
nhiệm kỳ 2011 - 2016**

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, xã - thị trấn nhiệm kỳ 2011 - 2016 là sự kiện chính trị lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với đất nước, được tổ chức trong thời điểm có nhiều thuận lợi, cả nước đang bước vào giai đoạn đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, với những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Cuộc bầu cử lần này là đợt vận động và sinh hoạt dân chủ sâu rộng trong nhân dân thành phố để bầu ra những người đại biểu ưu tú, đại diện cho nhân dân tại Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; bầu ra các đại biểu đại diện cho nhân dân thành phố, xã, thị trấn - cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương trong nhiệm kỳ 2011 - 2016.

Thực hiện Chỉ thị số 192/CT-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016; Thông tri số 02-TT/TU ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Thành ủy về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, đại biểu Hội đồng nhân dân xã - thị trấn nhiệm kỳ 2011 - 2016, nhằm đảm bảo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, xã - thị trấn thực sự dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, thể hiện được không khí ngày hội của toàn dân, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị:

1. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các

Đoàn thể thành phố có kế hoạch triển khai cụ thể và hướng dẫn các cơ quan truyền thông, quận - huyện tổ chức tuyên truyền kịp thời, sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, xã - thị trấn; nội dung cơ bản của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân để nâng cao ý thức làm chủ, tinh thần tự giác của cơ quan, tổ chức và công dân trong thực hiện công tác bầu cử.

2. Cục Thống kê thành phố hướng dẫn Chi cục Thống kê các quận - huyện cung cấp số liệu dân số đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010 tại từng quận - huyện và từng phường - xã - thị trấn để làm căn cứ phân chia đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, xã - thị trấn và chuẩn bị cho việc thành lập khu vực bỏ phiếu chính xác, đúng quy định.

3. Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Tổng Công ty Điện lực, Tổng Công ty cấp nước thành phố có kế hoạch chỉ đạo triển khai cụ thể nhằm đảm bảo giao thông, thông tin liên lạc và cung cấp điện nước thông suốt trong quá trình chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử, đặc biệt trong ngày bầu cử 22 tháng 5 năm 2011.

4. Bộ Tư lệnh thành phố, Công an thành phố, Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có phương án triển khai lực lượng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội và phòng cháy, chữa cháy trong suốt quá trình chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử, đặc biệt chú trọng bảo đảm an ninh tại những địa bàn trọng điểm, khu vực trọng yếu về an ninh quốc phòng, phòng cháy, chữa cháy, chỉ đạo và hướng dẫn các lực lượng tham gia phục vụ cuộc bầu cử.

5. Sở Tài chính bố trí kinh phí phục vụ kịp thời cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, xã - thị trấn nhiệm kỳ 2011 - 2016; hướng dẫn việc lập dự toán, quyết toán và kiểm tra việc sử dụng kinh phí bầu cử, bảo đảm kinh phí được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các phương án chủ động đối phó với những tình huống thiên tai, dịch bệnh có thể xảy ra trong thời gian tiến hành cuộc bầu cử.

7. Thanh tra thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn việc kê khai tài sản đối với người tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, xã - thị trấn; chỉ đạo giải quyết kịp

thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân trước, trong và sau thời gian tiến hành bầu cử.

8. Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện cuộc bầu cử; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc hướng dẫn thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, xã - thị trấn; kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử ở Trung ương, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện công tác bầu cử; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan liên quan theo dõi tình hình chuẩn bị, tiến độ thực hiện công tác bầu cử ở các quận - huyện, phường - xã, thị trấn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố; giúp Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng bầu cử ở Trung ương theo tiến độ quy định của pháp luật về bầu cử.

9. Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn và Thường trực Hội đồng nhân dân xã - thị trấn căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định, xây dựng kế hoạch và phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, xã - thị trấn theo đúng chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Kế hoạch công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các Sở - ngành; bảo đảm trình tự các bước tiến hành công tác bầu cử và công việc chuẩn bị cho ngày bầu cử theo quy định của pháp luật; chuẩn bị các điều kiện về vật chất và kỹ thuật phục vụ bầu cử; giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của công dân; có biện pháp giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trước, trong và sau ngày bầu cử ở địa phương và tại các địa điểm bỏ phiếu, bảo đảm cuộc bầu cử diễn ra an toàn và tiết kiệm; xây dựng phương án dự phòng, đối phó với những tình huống thiên tai hoặc tình huống khác có thể xảy ra trong thời gian tiến hành bầu cử, đảm bảo cuộc bầu cử được tiến hành liên tục, không bị gián đoạn. Đảm bảo mọi công dân cư ngụ trên địa bàn được học tập và tham gia bầu cử đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Giám đốc các Sở - ngành, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, các đơn vị kinh tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện,

phường - xã, thị trấn, Thường trực Hội đồng nhân dân xã - thị trấn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử; kịp thời gửi đến Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo tiến độ triển khai từng giai đoạn của cuộc bầu cử, bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và xã - thị trấn nhiệm kỳ 2011 - 2016 thành công tốt đẹp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về sửa đổi Điều 9 Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BGTVT ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 62/TTr-SGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2010 về ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Quy định về tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 256/STP-VB ngày 13 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi Điều 9 Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố; như sau:

“Điều 9. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt:

1. Tiêu chuẩn tuyển dụng đối với lái xe buýt:

a) Tiêu chuẩn về tuổi:

- Đối với ô tô buýt từ 10 đến 30 chỗ ngồi: nam, nữ từ 24 tuổi trở lên;
- Đối với ô tô buýt trên 30 chỗ ngồi: nam từ 27 tuổi đến 55 tuổi, nữ từ 27 tuổi đến 50 tuổi.

b) Tiêu chuẩn về hạng giấy phép lái xe:

- Đối với ô tô buýt từ 10 đến 30 chỗ ngồi: có giấy phép lái xe hạng D trở lên;
- Đối với ô tô buýt trên 30 chỗ ngồi: có giấy phép lái xe hạng E trở lên.

c) Tiêu chuẩn về sức khỏe: có giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế quận - huyện cấp.

d) Điều kiện về nhân thân: lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

đ) Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: có giấy chứng nhận tập huấn do Trường Cao đẳng Giao thông vận tải cấp và lớp bồi dưỡng hàng năm về nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.

2. Nhân viên trên xe buýt:

a) Vị trí, chức trách và nhiệm vụ của nhân viên phục vụ trên xe buýt:

Nhân viên phục vụ trên xe buýt phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 9 Quy định này; nhân viên phục vụ trên xe buýt có nhiệm vụ:

- Bán vé đúng giá; xé và đưa vé cho hành khách; kiểm tra vé đúng quy định;
- Có thái độ phục vụ đúng mực, không phân biệt đối xử với hành khách sử dụng vé bán trước và người tàn tật;
- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định.

b) Quản lý nhân viên phục vụ trên xe buýt:

- Tiêu chuẩn về sức khỏe: Có giấy chứng nhận đủ sức khỏe do cơ quan quận - huyện cấp trong vòng 12 tháng nhưng không quá 2 tháng khi nộp hồ sơ xin việc.

- Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: có giấy chứng nhận tập huấn do Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam cấp.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe buýt khi làm việc phải đeo băng tên và mặc đồng phục, phải hiểu biết những quy định về vận tải khách, có trách nhiệm cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động xe buýt, thông tin tuyến, giải thích, hướng dẫn đầy đủ cho hành khách. Giúp lên xuống an toàn và ổn định chỗ ngồi cho hành khách, nhất là đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ có thai; không nhận chở xe đạp, xe 02 bánh gắn máy trên xe buýt, hàng hóa công kênh, hàng tanh hôi, lây nhiễm, súc vật, chất dễ cháy nổ.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký; các nội dung không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên và thực hiện theo Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 100/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính về ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại Công văn số 449-CV/VPTU ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Văn phòng Thành ủy về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 7165/TTr-LS-STC-SNNPTNT, ngày 09 tháng 7 năm 2010 về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh đơn giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn do Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn cung cấp (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Đối tượng sử dụng nước	Đơn giá nước (đồng/m³)
Các hộ dân cư:	
- Đến 4 m ³ /người/tháng	3.100
- Trên 4 m ³ đến 6 m ³ /người/tháng	4.700
- Trên 6 m ³ /người/tháng	6.900
Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể	4.700
Đơn vị sản xuất	5.900
Đơn vị kinh doanh - dịch vụ	7.800

Điều 2. Quy định đối tượng sử dụng nước

1. Đối tượng sử dụng nước sinh hoạt:

- Hộ gia đình là các hộ dân sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.
- Các cơ sở xã hội, cơ sở chữa bệnh - cai nghiện thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.

Định mức nước sinh hoạt được xác định trên số nhân khẩu thường trú và tạm trú dài hạn theo căn cứ Sổ hộ khẩu thường trú và Sổ tạm trú. Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký định mức tại một thuê bao đồng hồ nước. Trường hợp nhiều hộ gia đình sử dụng chung một đồng hồ nước (địa chỉ trong hộ khẩu thường trú khác với địa chỉ đặt đồng hồ nước) thì tính định mức các nhân khẩu sử dụng chung cho khách hàng đứng tên thuê bao đồng hồ nước.

Trường hợp người nhập cư, sinh viên và người lao động thuê nhà để ở (có thời hạn thuê từ 12 tháng trở lên, căn cứ vào giấy đăng ký tạm trú và hợp đồng thuê nhà có xác nhận của địa phương) được tính định mức theo số nhân khẩu như trên.

2. Đối tượng sử dụng nước không sinh hoạt:

a) Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể, bao gồm:

- Các đơn vị lực lượng vũ trang, công an, phòng cháy, chữa cháy.
- Bệnh viện, trường học.
- Các cơ quan, đoàn thể, cơ sở tôn giáo.

- Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác.

b) Đơn vị sản xuất, bao gồm:

- Các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công.

- Các cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, xử lý chất thải, lò thiêu.

- Nước phục vụ các công trình xây dựng.

- Nước sử dụng cho các hoạt động sản xuất khác.

c) Đơn vị kinh doanh - dịch vụ, bao gồm:

- Các nhà máy, cơ sở sản xuất: nước đá, kem, nước giải khát.

- Các khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, các điểm kinh doanh ăn uống, giải khát.

- Các cơ sở thẩm mỹ, rửa xe, giặt ủi, các khu vui chơi giải trí.

- Các khu thương mại - dịch vụ, chợ, siêu thị, đại lý, cửa hàng thương mại.

- Các dịch vụ cấp nước cho ghe, tàu, thuyền.

- Các hoạt động của tổ chức, cá nhân mang tính chất kinh doanh khác.

d) Đối với các đối tượng sử dụng nước phức hợp bao gồm các đối tượng sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh - dịch vụ:

Doanh nghiệp cấp nước cùng với khách hàng xác định tỷ lệ nước sử dụng cho các mục đích khác nhau.

3. Đối tượng mua sỉ nước sạch:

Đối tượng mua sỉ nước sạch là những khách hàng có hệ thống ống nội bộ, mua sỉ nước sạch phân phối lại cho các đối tượng sử dụng nước khác trong hệ thống ống nội bộ, cụ thể như sau:

- Đối tượng sinh hoạt: các khu dân cư, chung cư, ký túc xá, khu lưu trú công nhân.

- Đối tượng sản xuất: các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.

- Đối tượng kinh doanh - dịch vụ: các khu thương mại, dịch vụ, khu chợ đầu mối.

a) Đối với đối tượng mua sỉ nước sạch, giảm 10% đơn giá nước quy định tại Điều 1 Quyết định này.

b) Đối với các khách hàng mua sỉ nước sạch phân phối lại cho các đối tượng sử

dụng nước phức hợp (bao gồm các đối tượng sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh - dịch vụ) thì doanh nghiệp cấp nước cùng với khách hàng xác định tỷ lệ nước sử dụng cho các mục đích khác nhau.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2011. Bãi bỏ Công văn số 3887/UB-NCVX ngày 13 tháng 12 năm 1995 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt giá nước sinh hoạt cho các xã ngoại thành trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9, quận Thủ Đức, quận Bình Tân và các huyện, Giám đốc Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn và các đối tượng sử dụng nước khu vực nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2011/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2011

CHỈ THỊ

Về tăng cường thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố

Thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010, Nghị định số 102/2003/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Chỉ thị số 171/CT-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện tiết kiệm điện, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị như sau:

1. Mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố phải thực hiện nghiêm Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 26 tháng 10 năm 2010, Chỉ thị số 171/CT-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện tiết kiệm điện. Trong đó, cần thực hiện các giải pháp sau đây:

a) Đối với cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách Nhà nước:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tiết kiệm điện năng sử dụng hàng năm của cơ quan, đơn vị theo Thông tư số 111/2009/TTLT/BTC-BCT của Liên Bộ Tài chính - Công Thương về hướng dẫn thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Xây dựng và ban hành quy định về sử dụng điện, thay thế, sửa chữa các trang thiết bị sử dụng điện tại cơ quan, đơn vị theo nguyên tắc sau:

+ Tắt các thiết bị sử dụng điện không cần thiết khi ra khỏi phòng và hết giờ làm việc, cắt hẳn nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc.

+ Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên, tắt bớt đèn chiếu sáng khi số người làm việc trong phòng giảm. Thiết kế, lắp đặt hệ thống chiếu sáng hành lang, sân vườn, khu vực bảo vệ theo tiêu chuẩn,...

+ Chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết, cài đặt chế độ làm mát từ 25°C trở lên. Dùng quạt thay thế điều hòa nhiệt độ khi thời tiết không quá nóng.

+ Khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng; nghiêm cấm thay thế, mua sắm mới đèn nung sáng.

+ Phổ biến, quán triệt tới toàn thể cán bộ, nhân viên phải thực hiện tiết kiệm điện, đưa nội dung sử dụng điện tiết kiệm vào chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật nội bộ và thi đua, khen thưởng hàng năm.

b) Đối với hệ thống chiếu sáng công cộng:

- Kiểm tra, đánh giá chế độ chiếu sáng công cộng theo các tiêu chuẩn chiếu sáng hiện hành, đảm bảo nguyên tắc chiếu sáng hiệu quả, tiết kiệm theo tiêu chuẩn Việt Nam TCXDVN 259:2001.

- Áp dụng hệ thống thiết bị điều khiển tự động có chế độ điều chỉnh công suất để giảm công suất chiếu sáng về đêm khi mật độ giao thông giảm.

- Triển khai thực hiện đầu tư, trang bị hệ thống điều khiển tự động cho các hệ thống chiếu sáng đường phố chính, điều chỉnh thời gian chiếu sáng đường phố hợp lý theo mùa trong năm, phù hợp theo đặc điểm nhu cầu sinh hoạt và các hoạt động, các sự kiện tại địa phương, tránh lãng phí điện.

- Khi thay thế đèn hư hỏng phải sử dụng nguồn sáng và các thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, chiếu sáng đường phố sử dụng bóng đèn natri cao áp và thấp áp; chiếu sáng ngõ nhỏ và đường dành cho người đi bộ sử dụng bóng đèn natri thấp áp công suất nhỏ và đèn compact; chiếu sáng quảng trường dùng đèn metal halide. Khuyến khích sử dụng bóng đèn LED tại các vị trí thích hợp;

- Trong hệ thống đèn chiếu sáng vườn hoa, công viên chỉ sử dụng các loại đèn tiết kiệm điện; giảm 50% công suất chiếu sáng vào giờ cao điểm buổi tối của hệ thống chiếu sáng công cộng chưa có thiết bị điều khiển tự động có chế độ điều chỉnh công suất hệ thống, đèn chiếu sáng vườn hoa, công viên..., trừ các dịp ngày lễ, ngày tết và các sự kiện lớn trên địa bàn thành phố.

c) Đối với hộ gia đình và các cơ sở kinh doanh dịch vụ:

- Các hộ gia đình hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện lớn (máy điều hòa nhiệt độ, máy nước nóng, bàn là điện...) trong thời gian cao điểm của hệ thống điện, từ 17 giờ đến 21 giờ hàng ngày; khuyến khích sử dụng các loại bóng đèn tiết kiệm điện như bóng compact hoặc bóng đèn huỳnh quang T8, T5, chân lưu hiệu suất cao, thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời, thiết bị điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng, ngắt các thiết bị điện không sử dụng ra khỏi nguồn điện.

- Khuyến khích sử dụng bình nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời.

- Các nhà hàng, cơ sở dịch vụ thương mại giảm 50% công suất chiếu sáng quảng cáo, trang trí ngoài trời vào giờ cao điểm buổi tối của hệ thống điện; trường hợp có yêu cầu đặc biệt, từ sau 22 giờ tắt toàn bộ đèn chiếu sáng các pano quảng cáo tấm lớn.

- Các nhà hàng, khách sạn, cơ sở dịch vụ thương mại, ... tuân thủ nghiêm các quy định về chiếu sáng tiết kiệm, hiệu quả và an toàn, sẵn sàng cắt, giảm nhu cầu sử dụng điện khi có thông báo của đơn vị điện lực trên địa bàn trong trường hợp xảy ra thiếu điện.

d) Đối với các doanh nghiệp sản xuất thực hiện ngay các giải pháp tiết kiệm điện sau:

- Phối hợp với các đơn vị điện lực xây dựng các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo sử dụng đúng công suất và biểu đồ phụ tải đã đăng ký trong hợp đồng mua bán điện. Bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, hạn chế tối đa việc huy động các thiết bị tiêu thụ công suất điện lớn như các máy nghiền, trạm bơm nước, máy nén khí... vào giờ cao điểm, không để các thiết bị điện hoạt động không tải.

- Các doanh nghiệp thuộc danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phải xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện mỗi năm ít nhất 1%.

- Tắt các thiết bị điện và đèn chiếu sáng không cần thiết trong thời gian nghỉ giữa ca, không để các thiết bị hoạt động ở chế độ không tải. Triệt để tiết kiệm điện chiếu sáng sân, vườn, đường nội bộ trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp.

- Chuẩn bị các nguồn dự phòng để đáp ứng nhu cầu sản xuất khi xảy ra thiếu điện, xây dựng phương án tự cắt giảm phụ tải khi xảy ra thiếu điện.

- Hạn chế đến mức tối đa việc sử dụng bóng đèn có công suất lớn để quảng cáo, trang trí.

- Ban hành quy định, quy chế hoặc giải pháp để sử dụng điện tiết kiệm trong phạm vi doanh nghiệp.

- Thực hiện kiểm toán năng lượng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tại đơn vị.

2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn trên địa bàn quản lý thực hiện các công việc như sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương tiết kiệm điện trong nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức và các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

- Tổ chức thực hiện việc treo các băng rôn, panô cổ động, tuyên truyền tiết kiệm điện tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, khu phố, tổ dân phố và tại các tuyến đường phố thuộc địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn giám sát chặt chẽ thời gian bật, tắt đèn chiếu sáng dân lập hợp lý từ 18 giờ 30 phút ngày hôm trước đến 5 giờ 30 phút ngày hôm sau.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng dân lập hàng năm, phối hợp với đơn vị điện lực khu vực lắp đặt điện kế để đo đếm hệ thống đèn chiếu sáng dân lập nhằm quản lý việc sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và an toàn.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc quận - huyện tăng cường quản lý việc sử dụng điện tại cơ quan, đơn vị của mình. Ban hành quy định/quy chế hoặc giải pháp để sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và an toàn trong phạm vi cơ quan, đơn vị.

- Phối hợp với đơn vị điện lực khu vực tổ chức các đoàn kiểm tra, tập huấn công tác tiết kiệm điện cho các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

- Tùy theo tình hình địa phương, có thể thành lập Ban Chỉ đạo tiết kiệm điện cấp quận - huyện nhằm đẩy mạnh việc thực hiện công tác tiết kiệm điện trên địa bàn quản lý.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm các quy định tại Chỉ thị này, đồng thời tăng cường kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp không thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, công bố công khai thông tin về tình hình sử dụng điện đối với các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách trên địa bàn quản lý.

- Định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả thực hiện công tác tiết kiệm điện (theo Mẫu số 2, Thông tư số 111/2009/TTLT/BTC-BCT của Liên Bộ Tài chính - Công Thương về hướng dẫn thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập) về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Công Thương.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phối hợp với chính quyền cùng cấp và ngành điện tổ chức vận động các tầng lớp nhân dân tích cực

thực hiện việc tiết kiệm điện trong sinh hoạt cũng như trong sản xuất kinh doanh dịch vụ.

4. Giao Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tổ chức tập huấn, tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp trong khu chế xuất và công nghiệp thành phố thực hiện nghiêm các biện pháp tiết kiệm điện trong sản xuất kinh doanh;

- Thành lập đoàn kiểm tra việc sử dụng điện tại các doanh nghiệp, công ty hạ tầng kỹ thuật trong khu chế xuất và công nghiệp theo các tiêu chí được quy định tại Chỉ thị này;

- Vận động, khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện như đèn compact, máy nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời...;

- Tổ chức thực hiện kiểm toán năng lượng tại các doanh nghiệp sử dụng năng lượng trọng điểm theo quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

- Ban hành quy định/quy chế hoặc giải pháp để sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và an toàn trong phạm vi cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả thực hiện công tác tiết kiệm điện (theo Mẫu số 2, Thông tư số 111/2009/TTLT/BTC-BCT của Liên Bộ Tài chính - Công Thương về hướng dẫn thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập) về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Công Thương.

5. Giao Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Công ty Chiếu sáng công cộng và Công ty Công viên cây xanh thành phố thực hiện nghiêm các quy định tại điểm b, khoản 1 của Chỉ thị này; kiểm tra, giám sát chặt chẽ thời gian bật, tắt hệ thống chiếu sáng công cộng hợp lý; kiểm tra, giám sát việc cắt giảm 50% công suất chiếu sáng vào giờ cao điểm buổi tối của hệ thống chiếu sáng công cộng chưa có thiết bị điều khiển tự động có chế độ điều chỉnh công suất để giảm công suất chiếu sáng, hệ thống đèn chiếu sáng vườn hoa, công viên,...

6. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, giám sát các nhà hàng, các cơ sở dịch vụ thương mại cắt giảm 50% công suất chiếu sáng quảng cáo trang trí ngoài trời vào giờ cao điểm buổi tối; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tích cực tuyên truyền các giải pháp tiết kiệm trong sử dụng điện; cấp phép treo tờ phướn và

pano tuyên truyền sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, an toàn điện cho các đợt tuyên truyền trong năm của Ban Chỉ đạo tiết kiệm điện thành phố.

7. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và Tổng Công ty Điện lực thành phố đưa chủ trương tiết kiệm điện vào hệ thống giáo dục phổ thông để giáo dục các thế hệ học sinh ý thức sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và an toàn.

8. Giao Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu các giải pháp tiết kiệm trong sử dụng điện để phổ biến và áp dụng rộng rãi trong nhân dân; nghiên cứu và đề xuất với Ban Chỉ đạo tiết kiệm điện thành phố về các giải pháp kỹ thuật để việc thực hiện công tác tiết kiệm trong sử dụng điện đem lại hiệu quả cao.

9. Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan tích cực tuyên truyền các biện pháp sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và an toàn, vận động các hộ sử dụng điện sử dụng các thiết bị điện hợp lý, giảm công suất sử dụng điện vào giờ cao điểm.

10. Giao Đài Truyền hình thành phố và Đài Tiếng nói nhân dân thành phố chủ động xây dựng và phát sóng các chương trình truyền hình, truyền thanh về tiết kiệm điện, an toàn điện với thời lượng thích hợp bằng các hình thức: phóng sự, thông tin, giới thiệu mô hình tiêu biểu...; phối hợp với Tổng Công ty Điện lực thành phố tổ chức tuyên truyền công tác sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và an toàn, trong đó hai Đài hỗ trợ chi phí truyền hình và phát thanh theo phương thức cố định, không tính chi phí quảng cáo.

11. Giao Tổng Công ty Điện lực thành phố chủ động phối hợp với Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp không thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để tổ chức tuyên truyền rộng rãi về các biện pháp tiết kiệm điện, hiệu quả và an toàn; định kỳ hàng tháng, hàng quý báo cáo kết quả thực hiện việc tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Công Thương. Tăng cường công tác quản lý trong kỹ thuật và trong kinh doanh; bố trí kế hoạch cải tạo lưới điện hợp lý, hạn chế sự cố và giảm tổn thất điện năng, đảm bảo cung ứng điện ổn định, an toàn; ưu tiên cung cấp điện phục vụ để sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu cho sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội và đời sống sinh hoạt thiết yếu của nhân dân thành phố; ưu tiên cung cấp điện cho các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng trên địa bàn thành phố và các khách hàng sử dụng điện quan trọng.

12. Giao Ban Chỉ đạo tiết kiệm điện thành phố - Thường trực là Sở Công Thương xây dựng chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, quận - huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp không thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, lập danh sách các tổ chức, cơ quan, đơn vị không thực hiện nghiêm các biện pháp tiết kiệm điện, tổng hợp, đánh giá kết quả và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm;

13. Giao Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố theo dõi kết quả thực hiện và chấp hành Chỉ thị này của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố, xem đây là một trong những tiêu chí xem xét khen thưởng cuối năm.

14. Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Chỉ thị số 12/2008/CT-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường thực hiện tiết kiệm trong sử dụng điện trên địa bàn thành phố.

15. Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc các Tổng Công ty trực thuộc thành phố, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Chỉ thị này, xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, quy định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian, phân công nhiệm vụ thực hiện; hàng tháng, hàng quý có kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2011/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 21 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động
của Phòng Kinh tế quận 9

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2008/TTLT-BCT-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; Quyết định số 62/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện;

Căn cứ Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 77/TTr-NV ngày 22 tháng 02 năm 2011 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 9.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 9 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 9.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Kinh tế, Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 9
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 9)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Kinh tế quận là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phòng Kinh tế quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Chức năng:

Phòng Kinh tế quận có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tiểu thủ công nghiệp; khoa học và công nghệ; công nghiệp; thương mại; dịch vụ; quản lý năng lượng; đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; nông nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại nông thôn; kinh tế hợp tác xã nông, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Kinh tế quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao:

a) Trình Ủy ban nhân dân quận dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về phát triển các ngành trên địa bàn quận theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước và phân cấp quản lý trong lĩnh vực được giao trên địa bàn. Dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính về lĩnh vực được phân công sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, hướng dẫn văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao;

c) Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với hoạt động của các thành phần kinh tế trên địa bàn quận trong phạm vi lĩnh vực các ngành kinh tế được phân công; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công;

d) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực được phân công cho cán bộ, công chức phường trên địa bàn quận;

đ) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận;

e) Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân phường cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và các Sở - ngành liên quan;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra và đề xuất xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật thuộc các lĩnh vực được phân công trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động các lĩnh vực được phân công trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận;

h) Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đóng trên địa bàn trong việc triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng;

i) Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận;

k) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép theo phân công của Ủy ban nhân dân quận; thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) thuốc lá, sản xuất và kinh doanh rượu thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức, hướng dẫn và thực hiện chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn;

c) Tổng hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trên địa bàn quận.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về khoa học - công nghệ và năng lượng:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật Khoa học và công nghệ, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và làm thường trực Hội đồng khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân quận;

b) Phát triển phong trào lao động sáng tạo, phổ biến, lựa chọn các tiến bộ khoa học và công nghệ, các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để hỗ trợ áp dụng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn quận; tổ chức thực hiện các dịch vụ khoa

học và công nghệ trên địa bàn. Theo dõi, giám sát, phối hợp và hỗ trợ các đơn vị tổ chức thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ vào sản xuất và đời sống trên địa bàn;

c) Quản lý nhà nước đối với hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ, hạt nhân theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

d) Xây dựng hệ thống thông tin, thống kê, lưu trữ về khoa học và công nghệ tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

đ) Triển khai thực hiện quy hoạch, chính sách, kế hoạch phát triển điện lực, phát triển việc ứng dụng năng lượng mới, năng lượng mặt trời, năng lượng gió và các dạng năng lượng khác trên địa bàn quản lý;

e) Triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch nghiên cứu, phát triển sản xuất và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trên địa bàn quản lý;

g) Tổ chức triển khai thực hiện quy định về quản lý hoạt động điện lực trên địa bàn; các quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và các công trình điện khác trên địa bàn quản lý;

h) Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện, tập huấn về hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và an toàn điện cho cán bộ quản lý năng lượng, cán bộ và nhân viên của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và các tổ chức quản lý điện trên địa bàn; hướng dẫn và kiểm tra việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm an toàn điện trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hoạt động điện lực và sử dụng điện, các quy trình, quy định về an toàn điện áp dụng trong nội bộ cơ quan, doanh nghiệp;

i) Tổ chức triển khai thực hiện phương án giá điện trên địa bàn quản lý. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, thanh tra chuyên ngành điện lực theo quy định của pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực năng lượng.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Tổ chức thực hiện công tác phát triển sản xuất nông, ngư nghiệp; phối hợp công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh trên địa bàn;

b) Phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; công trình nuôi trồng thủy sản; công trình cấp, thoát nước nông thôn;

phối hợp bảo vệ công trình phòng, chống lũ, lụt, bão; quản lý mạng lưới thủy nông trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; chế biến nông sản, thủy sản; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn;

d) Thống kê diễn biến đất nông nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản; tổ chức thực hiện các biện pháp canh tác phù hợp để khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

đ) Quản lý các hoạt động thương mại, dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, thủy sản; vật tư nông nghiệp, phân bón và thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn quận;

e) Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, khuyến ngư và các dự án phát triển nông nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn quận.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng thương mại trên địa bàn quận; Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước đối với chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng thương mại trên địa bàn quận;

b) Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu và đề xuất Ủy ban nhân dân quận về công tác nhân sự Ban quản lý các chợ trên địa bàn quận.

c) Thực hiện một số nhiệm vụ khác về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Kinh tế quận có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc các Sở liên quan về thực hiện các mặt công tác chuyên môn của Phòng;

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật;

d) Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Kinh tế quận tổ chức thành các Tổ chuyên môn, gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ quản lý Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp;
- Tổ quản lý Thương mại, Dịch vụ;
- Tổ quản lý Nông nghiệp - Phát triển Nông thôn;
- Tổ quản lý Khoa học - Công nghệ và Năng lượng;
- Tổ quản lý Đăng ký Kinh doanh;
- Tổ quản lý Kinh tế hợp tác xã, Kinh tế tập thể, Kinh tế tư nhân.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Trưởng phòng báo cáo thông qua Ủy ban nhân dân quận về phương án có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc ghép nhiều lĩnh vực vào cùng một tổ trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

Về công tác cán bộ: Trưởng Phòng Kinh tế quận phối hợp với Trưởng Phòng Nội vụ đề xuất việc bổ nhiệm, bố trí và miễn nhiệm các chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban quản lý chợ trong phạm vi quản lý quận và theo quy định của công tác cán bộ hiện hành.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể làm công tác quản lý ngành của Phòng Kinh tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế hành chính của quận trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Cán bộ, công chức Phòng Kinh tế quận có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, có bảng tên đặt tại nơi làm việc, có đeo thẻ công chức theo quy định. Cán bộ, công chức phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Phòng, đồng nghiệp và các tổ chức hoặc cá nhân đến liên hệ công tác.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách và trực tiếp giải quyết các công tác được Trưởng phòng phân công;

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết;

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ, chuyên viên giải quyết phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức phòng một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các cơ sở của Phòng (các tổ chức và cá nhân có liên quan) phải nêu cụ thể trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

6. Phòng Kinh tế có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận hoặc lãnh đạo các Sở - ngành thành phố có liên quan.

Điều 7. Chế độ thông tin báo cáo

Theo định kỳ (hoặc đột xuất), các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện việc báo cáo tình hình hoạt động, thống kê số liệu liên quan đến lĩnh vực của cơ quan, đơn vị mình về Phòng Kinh tế để phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo hoặc tham mưu báo cáo theo quy định.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

- Phòng Kinh tế chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

- Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với các Sở - ngành liên quan:

Phòng Kinh tế chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở - ngành liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Phòng, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc các Sở liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận. Trường hợp chủ trì phối hợp giải

quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Trưởng các Phòng chuyên môn khác, Trưởng Phòng Kinh tế chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn, kiểm tra cán bộ các phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý;

c) Tổ chức giao ban với Ủy ban nhân dân phường về lĩnh vực Phòng phụ trách.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trưởng Phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động Phòng Kinh tế. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp.

Điều 10. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành mới có giá trị./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2011/CT-UBND

Quận 9, ngày 21 tháng 02 năm 2011

CHỈ THỊ

Về triển khai các giải pháp chủ yếu để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh quận 9 năm 2011

Năm 2011 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo tiền đề thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội những năm tiếp theo, góp phần hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2011-2015.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 07/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố; Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2011; Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Quận về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2011, Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh năm 2011, Ủy ban nhân dân quận yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, công ty, trung tâm thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Triển khai thực hiện tốt mục tiêu năm 2011 là phát huy tinh thần năng động, sáng tạo phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu đầy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, đảm bảo hiệu quả và bền vững; tập trung thực hiện công tác chỉnh trang đô thị và tiếp tục thực hiện có hiệu quả nếp sống văn minh, mỹ quan đô thị. Xây dựng và phát triển đời sống văn hóa ở cơ sở đậm đà bản sắc dân tộc, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả chủ đề “Năm 2011- Năm Vì trẻ em”.

2. Tổ chức quán triệt sâu sắc trong đội ngũ cán bộ, công chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị về mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu đã nêu tại Nghị quyết số 07/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố; Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2011; Nghị quyết Quận ủy về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2011; Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh năm 2011 và các chương trình, kế hoạch có liên quan.

3. Tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về giá, gian lận thương mại, đầu cơ, buôn lậu nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác bình ổn giá đối với các mặt hàng thiết yếu. Khẩn trương xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình bình ổn thị trường năm 2011; Chương trình tạo nguồn hàng thiết yếu và bình ổn thị trường quận đến năm 2015, nhằm góp phần ngăn chặn nguy cơ lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội và duy trì tăng trưởng kinh tế.

4. Năm 2011 là năm đầu tiên của thời kỳ ổn định ngân sách 2011 - 2015 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; dự toán thu chi ngân sách được xây dựng trên cơ sở nguồn thu và nhiệm vụ chi đã được phân cấp ổn định. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương được Ủy ban nhân dân thành phố giao năm 2011 là 325,275 tỷ đồng. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân 13 phường thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên về điện, xăng dầu, mua sắm tài sản; tăng cường công tác kiểm tra về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản công. Tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư hạ tầng giao thông đô thị; đẩy nhanh tiến độ giải ngân các công trình, dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Ưu tiên đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm của quận.

5. Ngay từ đầu năm 2011, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình trọng tâm đã được Đại hội Đại biểu Đảng bộ quận lần thứ IV xác định. Tập trung triển khai thực hiện chủ đề năm “Năm 2011 - Năm Vì trẻ em” kết hợp với việc tiếp tục thực hiện nếp sống văn minh đô thị trên địa bàn quận, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, nhân dân về trách nhiệm của toàn xã hội đối với công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em, xây dựng kế hoạch hành động cụ thể nhằm chăm lo thiết thực đời sống vật chất và tinh thần cho trẻ em, tạo những điều kiện thuận lợi nhất để trẻ em được rèn luyện thể chất và phát triển toàn diện. Tiếp tục giáo dục ý thức chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông; giữ gìn vệ

sinh và bảo vệ môi trường; có thái độ ứng xử văn minh trong công việc, trong giao tiếp hàng ngày.

6. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính; Tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Tiếp tục mở rộng ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, thực hiện niêm yết công khai rõ ràng, cụ thể tại công sở các quy chế, quy trình và các thủ tục hành chính. Sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng thông tin, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin ở các cơ quan hành chính Nhà nước. Tập trung củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực; thực hiện nhiệm vụ thể hiện tính năng động, sáng tạo và hiệu quả. Tập trung giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân. Đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nhất là trong các lĩnh vực như: quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý vốn, tài sản của Nhà nước; xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc vi phạm.

7. Tiếp tục phát động phong trào thi đua yêu nước, gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác giảm nghèo, tạo việc làm; đẩy mạnh phong trào Đền ơn đáp nghĩa, tích cực chăm lo cho diện chính sách, người nghèo, người già, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ. Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá.

8. Xây dựng lực lượng vũ trang quận vững mạnh toàn diện. Triển khai thực hiện tốt Luật Dân quân tự vệ. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân năm 2011 ở cả 2 cấp với chất lượng cao. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tổ chức thực hiện nghiêm túc Luật và các quy định về phòng cháy, chữa cháy. Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân; đồng thời tăng cường kiểm tra, hướng dẫn công tác phòng cháy, chữa cháy, nhằm nâng cao năng lực giải quyết các tình huống cháy nổ tại cơ sở. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm những vi phạm về trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị, giải tỏa các điểm kinh doanh tự phát và các điểm sử dụng vỉa hè, lòng đường không đúng quy định.

9. Về tổ chức thực hiện:

9.1. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận tham mưu cụ thể hóa Kế hoạch chỉ đạo,

điều hành phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh quận năm 2011 thành Chương trình công tác hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm của Ủy ban nhân dân quận; phối hợp với cơ quan chuẩn bị nội dung và sắp xếp, bố trí để Ủy ban nhân dân quận xem xét, thông qua ban hành các kế hoạch thực hiện thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận. Đồng thời, thường xuyên theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Chỉ thị này và báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị, địa phương.

9.2. Căn cứ Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân quận năm 2011, Thủ trưởng các ban, ngành, công ty, trung tâm thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường căn cứ vào nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện ngay. Nội dung kế hoạch phải bao quát trên các lĩnh vực, nhiệm vụ được giao; những giải pháp và biện pháp tổ chức thực hiện phải cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng bộ phận chuyên môn; xác định rõ lộ trình thực hiện và thời gian hoàn thành. Phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị. Hàng tháng, hàng quý phải sơ kết rút kinh nghiệm để kịp thời chỉ đạo khắc phục các mặt thiếu sót và đề xuất, kiến nghị tháo gỡ các vướng mắc trong thực tiễn. Đồng thời, phải chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Chỉ thị số 26/2010/CT-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

9.3. Hàng tháng, Ủy ban nhân dân quận tổ chức giao ban với các cơ quan, đơn vị để nghe báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh quận năm 2011, qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Yêu cầu Thủ trưởng các ban, ngành, công ty, trung tâm thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2011/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 25 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 9

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 90/2009/TTLT-BTC-BNV ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy

ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 77/TTr-NV ngày 22 tháng 02 năm 2011 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 9.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 9 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 9.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 9

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 9)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Chức năng:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tài chính; tài sản; giá; kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm về phát triển kinh tế xã hội, lĩnh vực tài chính, kế hoạch và

đầu tư; chương trình, biện pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra việc thi hành pháp luật về tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận; giúp Ủy ban nhân dân quận giải quyết khiếu nại, tố cáo, các tranh chấp theo quy định của pháp luật.

3. Về lĩnh vực tài chính:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc quận, Ủy ban nhân dân phường xây dựng dự toán ngân sách hàng năm; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận dự toán ngân sách quận theo hướng dẫn của Sở Tài chính;

b) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước đối với những khoản thu được phân cấp quản lý, dự toán chi ngân sách quận và tổng hợp dự toán ngân sách phường, phương án phân bổ ngân sách quận trình Ủy ban nhân dân quận; lập dự toán ngân sách điều chỉnh trong trường hợp cần thiết để trình Ủy ban nhân dân quận; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đã được quyết định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá, thực hiện chế độ kế toán của chính quyền phường và các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của nhà nước thuộc quận;

d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc quản lý công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách phường; xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan, đơn vị được ngân sách hỗ trợ; lập quyết toán thu, chi ngân sách quận; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận và quyết toán thu, chi ngân sách quận (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách quận và quyết toán thu, chi ngân sách phường) báo cáo Ủy ban nhân dân quận để trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn.

Tổ chức thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt quyết toán đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách quận quản lý;

e) Quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc quận quản lý theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thẩm

định, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản nhà nước;

g) Quản lý nguồn kinh phí được ủy quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá theo quy định của Chính phủ và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn. Thực hiện công tác định giá các tài sản liên quan trong tổ tụng hình sự và quy định của Chính phủ;

i) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính ngân sách của nhà nước theo quy định của pháp luật;

k) Tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán về lĩnh vực tài chính ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân quận.

4. Về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư:

a) Tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt kế hoạch kinh tế xã hội hàng năm (kể cả danh mục các công trình đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thuộc các nguồn vốn); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng hàng năm đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận;

b) Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định đầu tư, phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch đấu thầu và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận;

c) Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn cung cấp thông tin dự án, xúc tiến đầu tư, giám sát và đánh giá đầu tư, kêu gọi và tổ chức vận động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn quận; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kế hoạch và đầu tư phường;

5. Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân phường cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và các Sở liên quan.

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

7. Quản lý cán bộ, công chức và tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính; kế hoạch và đầu tư theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng;

b) Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Trong số các lãnh đạo Phòng (Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng) phải có người được phân công chuyên trách quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tài chính; kế hoạch và đầu tư;

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật;

Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức của Phòng làm công tác quản lý nhà nước về chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân quận có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm công tác tại quận mà số lượng biên chế cụ thể của Phòng Tài chính - Kế hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ trong tổng số biên chế của quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm sao cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng phụ trách chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức Phòng một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp,

các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức Tài chính - Kế toán phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động Phòng Tài chính - Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp.

Điều 9. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành mới có giá trị./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2011/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 02 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm
trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn quận Tân Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 04/2008/UBTVQH12 ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 24/2009/TT-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2009 của Bộ Xây

dựng quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về thành lập Thanh tra Xây dựng quận Tân Bình;

Căn cứ Quyết định số 13/2007/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về thành lập Thanh tra Xây dựng phường thuộc quận Tân Bình;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Xây dựng quận Tân Bình tại Tờ trình số 01/TT-TTXD ngày 20 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn quận Tân Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Chánh Thanh tra Xây dựng quận, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng Tài Nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, cán bộ, công chức trong lực lượng Thanh tra Xây dựng quận, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Thị Dư

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn quận Tân Bình

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về trách nhiệm, hình thức, nội dung phối hợp trong việc kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn quận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức được phân công quản lý trật tự xây dựng đô thị và những tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị đặt dưới sự quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân cùng cấp; phát huy sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Đảm bảo sự chỉ huy, chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của lực lượng Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường.

3. Đảm bảo sự đoàn kết, thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau thực hiện nhiệm vụ được giao, nhưng không tạo ách tắc trong việc thực hiện nhiệm vụ riêng và công việc nội bộ của nhau.

4. Việc xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng phải kiên quyết, chủ

động, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan chủ trì phối hợp phải thông báo bằng văn bản kết quả phối hợp kiểm tra cho cơ quan tham gia phối hợp.

6. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì phải báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền của cơ quan tham gia phối hợp xem xét, quyết định.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng đô thị và xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị theo điểm a khoản 1 Điều 10 và Điều 17 của Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ.

2. Thực hiện quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn quận theo khoản 1, 2 Điều 31 của Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Thực hiện thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng theo quy định tại Điều 28 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, khoản 4 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008, Điều 59 Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. Trong trường hợp vượt quá thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thì phải lập thủ tục và chuyển ngay hồ sơ xử lý vi phạm hành chính cho Thanh tra Xây dựng quận đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra Xây dựng quận

1. Thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng đô thị và xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị theo điểm b khoản 4 Điều 10 và Điều 20 của Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với những vi phạm vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

2. Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị của Thanh tra Xây dựng phường.

3. Hướng dẫn về hoạt động và quy trình kiểm tra xây dựng cho cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng đô thị.

4. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân 15 phường tổng kết, đánh giá hoạt động phối hợp kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân quận theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng đô thị

1. Chấp hành và thực hiện đúng hướng dẫn về hoạt động và quy trình kiểm tra xây dựng của Chánh Thanh tra Xây dựng quận.

2. Thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng đô thị và xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị theo quy định tại Điều 11 và Điều 16 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP.

Chương III NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 7. Trao đổi thông tin

1. Việc trao đổi, xử lý thông tin phải bảo đảm chính xác, kịp thời. Khi có những thông tin khác nhau về vụ việc, hiện tượng thì hai bên phải phối hợp xác minh, thống nhất kết luận trước khi báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Nội dung trao đổi thông tin

a) Thanh tra Xây dựng quận chủ động trao đổi với Thanh tra Xây dựng phường những thông tin sau:

- Tình hình quản lý trật tự xây dựng đô thị trong phạm vi quản lý, các vụ việc xây dựng vi phạm, hành vi vi phạm phổ biến trong lĩnh vực xây dựng để có kế hoạch phối hợp phòng ngừa theo đúng quy định;

- Kế hoạch kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị của Thanh tra Xây dựng phường; kế hoạch tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong lĩnh vực nhà, đất có hiệu lực thi hành trên địa bàn quận;

- Kết quả thực hiện các quyết định hành chính gồm: quyết định xử phạt vi phạm

hành chính trong lĩnh vực xây dựng, trật tự đô thị và môi trường; các quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong lĩnh vực nhà, đất có hiệu lực thi hành trên địa bàn quận;

- Tình hình phối hợp giữa hai lực lượng, những vấn đề cấp bách về trật tự xây dựng đô thị và các nội dung khác liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị.

b) Thanh tra Xây dựng phường chủ động trao đổi với Thanh tra Xây dựng quận những thông tin sau:

- Tình hình quản lý trật tự xây dựng đô thị trong phạm vi quản lý, các vụ việc xây dựng vi phạm, hành vi vi phạm phổ biến trong lĩnh vực xây dựng để có kế hoạch phối hợp phòng ngừa theo đúng quy định;

- Kế hoạch phối hợp giữa Thanh tra Xây dựng phường với Thanh tra Xây dựng quận về quản lý trật tự xây dựng đô thị và tổ chức thực hiện các quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường;

- Tình hình tiếp nhận, kiểm tra, theo dõi thi công đối với các trường hợp đăng ký xây dựng, sửa chữa, cải tạo đối với những công trình mà theo quy định không phải xin cấp giấy phép xây dựng;

- Kết quả thực hiện các quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường;

- Tổng hợp tình hình kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng trên địa bàn phường, đánh giá tình hình quản lý trật tự xây dựng đô thị và việc thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này báo cáo Thanh tra Xây dựng quận để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận và Sở Xây dựng theo quy định.

Điều 8. Hình thức trao đổi thông tin

1. Việc trao đổi thông tin giữa Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường được tiến hành dưới hình thức giao ban và bằng văn bản:

a) Giao ban giữa Thanh tra Xây dựng quận và Ủy ban nhân dân 15 phường: 03 tháng 1 lần. Trong 05 (năm) ngày làm việc sau khi kết thúc giao ban với Ủy ban nhân dân 15 phường, Thanh tra Xây dựng quận báo cáo kết quả kiểm điểm, đánh giá tình hình quản lý trật tự xây dựng đô thị và việc thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này cho Ủy ban nhân dân quận;

b) Giao ban giữa Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường: 01 tháng 1 lần;

c) Thanh tra Xây dựng quận chịu trách nhiệm về việc cung cấp biểu mẫu và quy định thời gian, chế độ báo cáo đối với Thanh tra Xây dựng phường.

2. Khi có nhiệm vụ đột xuất hoặc tình huống phức tạp, cấp bách, Thanh tra Xây dựng quận, phường phải chủ động thông báo ngay cho nhau bằng hình thức thích hợp như: điện thoại, thư điện tử, gửi văn bản.

Điều 9. Các hoạt động phối hợp giữa Thanh tra Xây dựng quận với Thanh tra Xây dựng phường

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực xây dựng ở cộng đồng dân cư.

2. Tập huấn, hội thảo, hội nghị chuyên đề về công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị.

3. Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng.

4. Xác minh các thông tin liên quan làm căn cứ xử lý vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng.

5. Tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong lĩnh vực nhà, đất có hiệu lực thi hành trên địa bàn quận.

6. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định pháp luật.

7. Giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu kiện của bên bị thiệt hại đối với chủ đầu tư tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm các quy định về xây dựng gây lún, nứt công trình lân cận; gây sụp đổ hoặc có nguy cơ gây sụp đổ công trình lân cận.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì phối hợp

1. Cơ quan chủ trì phối hợp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác phối hợp và xác định nhiệm vụ từng cơ quan. Kế hoạch thực hiện phải được thông báo bằng văn bản cho cơ quan phối hợp trước 03 ngày, kể từ ngày triển khai, trong trường hợp đột xuất thì cơ quan chủ trì thông báo nội dung phối hợp bằng phương tiện nhanh nhất để các bên cùng thực hiện.

2. Thông báo cho cơ quan phối hợp về tình hình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức được cử tham gia, duy trì mối liên hệ giữa các cơ quan, đơn vị và đôn đốc kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp và các điều kiện đảm bảo khác.

3. Tiếp thu ý kiến của cơ quan phối hợp, tổ chức nghiên cứu, tổng hợp và báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp

1. Cơ quan được mời phối hợp có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động theo kế hoạch hoặc theo nội dung thông báo của cơ quan chủ trì. Cử cán bộ, công chức có đủ năng lực tham gia phối hợp khi có yêu cầu; cung cấp các thông tin, số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu đó.

2. Có ý kiến kịp thời về vấn đề mà cán bộ, công chức được cử phối hợp báo cáo và được quyền bảo lưu ý kiến đối với các vấn đề còn chưa thống nhất. Tuân thủ về thời gian góp ý kiến theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về các ý kiến của cơ quan mình.

3. Đề nghị cơ quan chủ trì điều chỉnh thời gian phối hợp để đảm bảo chất lượng công tác và được yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết, phục vụ cho công tác phối hợp.

Điều 12. Trách nhiệm của cán bộ, công chức được cử tham gia phối hợp

1. Nắm vững pháp luật về xây dựng và quản lý trật tự xây dựng đô thị, trình tự, thủ tục hành chính. Nghiêm cấm việc lợi dụng nhiệm vụ để sách nhiễu, gây khó khăn cho chủ đầu tư, nhà thầu trong thi công xây dựng công trình khi đã có đủ các hồ sơ, thủ tục, giấy phép và các tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo kế hoạch công tác hoặc nội dung thông báo của cơ quan chủ trì. Báo cáo Thủ trưởng cơ quan về công tác phối hợp của mình và chủ động đề xuất ý kiến, truyền đạt chính xác ý kiến của Thủ trưởng cơ quan mình khi phát biểu về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

3. Bảo lưu quan điểm khi ý kiến của mình khác với ý kiến của các đơn vị, cá nhân khác, được Thủ trưởng cơ quan tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành các nhiệm vụ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác phối hợp, mang lại hiệu quả cao trong việc quản lý trật tự xây dựng đô thị được bình xét và khen thưởng theo quy định.

2. Tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Thanh tra Xây dựng quận, Ủy ban nhân dân 15 phường, cán bộ, công chức, viên chức được phân công quản lý trật tự xây dựng đô thị và những tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Thanh tra Xây dựng quận chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này nếu gặp khó khăn, vướng mắc, cá nhân và tổ chức có liên quan phản ánh kịp thời về Thanh tra Xây dựng quận để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Thị Dư

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2011/CT-UBND

*Cần Giờ, ngày 18 tháng 02 năm 2011***CHỈ THỊ****Về tăng cường các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng
và cây phân tán năm 2011**

Thực hiện Chỉ thị số 04/2011/CT-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng và cây phân tán năm 2011. Do hiện tượng biến đổi khí hậu, thời tiết mùa khô năm nay diễn biến phức tạp. Nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có rừng, Thủ trưởng các phòng, ban liên quan tập trung thực hiện những nội dung sau:

1. Tăng cường hơn nữa chức năng quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo tinh thần Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 94/2001/TT-BNN-TCCB ngày 21 tháng 9 năm 2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo tinh thần Nghị định số 09/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng và Chỉ thị số 04/2011/CT-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng và cây phân tán năm 2011.

2. Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các biện pháp cấp bách bảo vệ rừng, tăng cường quan hệ phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội, Cảnh sát Phòng cháy - Chữa cháy và chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; chống các hành vi mua bán trái phép gỗ và động vật hoang dã trên địa bàn huyện; tăng cường lực lượng phối hợp tuần tra bảo vệ rừng

phòng hộ; nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ rừng, của đơn vị và hộ nhận khoán bảo vệ rừng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp đấu tranh chống các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng, giữ vững diện tích Rừng phòng hộ của huyện.

3. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn kiện toàn bộ máy, hoạt động của Ban Chỉ huy thống nhất (do đồng chí Chủ tịch phụ trách); Xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm kịp thời xử lý mọi tình huống cháy xảy ra trên địa bàn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy rừng, quán triệt tinh thần “lấy phòng là chính” và phương châm bốn tại chỗ “chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và vật tư hậu cần tại chỗ”; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, xử lý việc chấp hành các quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện nếu để xảy ra cháy, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân và tài nguyên rừng trên địa bàn mình quản lý.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy, Luật Phòng cháy và chữa cháy và các văn bản quy phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, vận động sâu rộng trong nhân dân việc chấp hành các quy định pháp luật về phòng, chống cháy, nổ và phòng cháy, chữa cháy rừng.

5. Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ, Hạt Kiểm lâm huyện tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng, tổ chức tập huấn nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng tại chỗ; tổ chức kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở mọi cá nhân, tổ chức hoạt động trong vùng có rừng thực hiện các chế độ, quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; củng cố phương án phòng cháy, chữa cháy rừng để triển khai thực hiện trên toàn địa bàn rừng phòng hộ;

Tổ chức lực lượng trực phòng cháy, chữa cháy 24/24 giờ, tuần tra thường xuyên những khu vực trọng điểm, dễ xảy ra cháy rừng; Duy tu bảo dưỡng trang thiết bị chữa cháy đảm bảo sử dụng tốt khi có cháy xảy ra.

6. Trung tâm Văn hóa, Đài truyền thanh huyện, Tờ tin Cần Giờ thường xuyên thông tin tuyên truyền Luật Bảo vệ phát triển rừng, Luật Phòng cháy và chữa cháy và các văn bản có liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên hệ thống Đài truyền thanh huyện, xã, thị trấn và tờ tin của huyện.

7. Phòng Quản lý đô thị, Công an huyện, Quân sự huyện, Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy huyện tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình tăng cường chức

năng quản lý nhà nước về công tác phòng cháy, chữa cháy nói chung, gắn công tác phòng, chống cháy, nổ với công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, lập kế hoạch tổ chức phối hợp tham gia chữa cháy rừng khi có yêu cầu; hướng dẫn nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy cho các lực lượng tại chỗ.

Giao Phòng Quản lý đô thị rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo Phòng cháy và chữa cháy huyện Cần Giờ nhằm đảm bảo lực lượng, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn huyện.

8. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xét cấp, bảo đảm kinh phí cho nhu cầu thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy đối với diện tích rừng phòng hộ của huyện theo đúng quy định. Giao Ban Quản lý Rừng phòng hộ lập dự toán kinh phí cần thiết phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong rừng phòng hộ thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt trong tháng 3/2011.

9. Chế độ trực, báo cáo và thông tin báo cháy:

Các cơ quan chuyên trách phòng cháy, chữa cháy rừng, Hạt Kiểm lâm, Ban Quản lý Rừng phòng hộ, các đơn vị nhận khoán, hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng tổ chức trực phòng cháy, chữa cháy 24/24 giờ trong ngày suốt các tháng mùa khô; thực hiện chế độ báo cáo và báo cháy, cụ thể:

- Hàng ngày (từ 15 giờ đến 16 giờ) đơn vị nhận khoán bảo vệ rừng báo cáo nhanh tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng về Văn phòng Ban Quản lý Rừng phòng hộ qua số điện thoại 08. 3.8894000 để kịp thời tổng hợp, báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện và thành phố.

- Trong trường hợp xảy ra cháy rừng hoặc cháy thảm thực vật trên địa bàn quản lý, đơn vị chủ rừng phải thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng theo số điện thoại dưới đây:

Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy chuyên nghiệp:	114
Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Cần Giờ:	3.8743288
Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ:	3.8894000
Phòng Kinh tế huyện Cần Giờ:	3.8740208
Hạt Kiểm lâm Cần Giờ:	3.8740293

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện Chỉ thị này, tuyệt đối không để xảy ra cháy rừng trên địa bàn huyện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Thơm

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng